

Phiếu An toàn Hóa chất

Trang: 1/13

Phiếu An toàn Hóa chất
Ngày / Đã được hiệu chỉnh: 10.09.2018
Sản phẩm: **Mythic**

Phiên bản: 1.0

(30598163/SDS_GEN_VN/VI)

Ngày in 06.12.2019

1. Thông tin sản phẩm và doanh nghiệp

Mythic

Sử dụng: Thuốc trừ mối

Công ty:

Địa chỉ liên lạc:

Công ty TNHH BASF Việt Nam
Tầng 11, Tòa nhà Saigon Trade Center, số 37,
Đường Tôn Đức Thắng, Phường Bến Nghé, Quận 1,
Thành phố Hồ Chí Minh, Việt Nam
Điện thoại: +84 28 3824 3833
Số fax: +84 28 3824 3832
Địa chỉ mail: nguyen.bui@basf.com

Thông tin khẩn cấp:

18001703 (Việt Nam)
Số fax: +84 28 3824 3832
International emergency number:
Điện thoại: +49 180 2273-112

2. Nhận dạng nguy hiểm

Phân loại về chất và hợp chất:

Độc cấp tính: Loại 4 (Hô hấp - sương)

Độc cấp tính: Loại 4 (tiếp xúc miệng)

Nguy hại cấp tính đối với môi trường thủy sinh: Loại 1

Nguy hại mãn tính đối với môi trường thủy sinh: Loại 1

Ghi nhãn sản phẩm và cảnh báo nguy cơ:

Hình đồ cảnh báo:

Phiếu An toàn Hóa chất
 Ngày / Đã được hiệu chỉnh: 10.09.2018
 Sản phẩm: **Mythic**

Phiên bản: 1.0

(30598163/SDS_GEN_VN/VI)

Ngày in 06.12.2019



Từ cảnh báo: **Cảnh báo**

Cảnh báo nguy cơ:

H302	Nguy hại khi nuốt phải.
H332	Nguy hại nếu hít vào.
H400	Rất độc đối với sinh vật thủy sinh.
H410	Rất độc đối với sinh vật thủy sinh và tác động kéo dài.

Biện pháp phòng ngừa:

P101	Nếu cần tư vấn y tế, nên đem theo hộp đựng hay nhãn sản phẩm.
P102	Tránh xa tầm tay trẻ em.
P103	Đọc nhãn sản phẩm trước khi sử dụng.

Biện pháp phòng ngừa:

P261	Tránh hít hơi.
P264	Rửa sạch nếu bị nhiễm bẩn sản phẩm sau khi tiếp xúc.
P270	Không ăn, uống hay hút thuốc khi đang sử dụng sản phẩm này.
P271	Chỉ sử dụng ngoài trời hay trong khu vực được thông thoáng tốt.

Lưu ý khi tiếp xúc:

P312	Liên hệ với TRUNG TÂM CHẤT ĐỘC hay bác sĩ nếu cảm thấy không khỏe.
P304+P340	NẾU HÍT VÀO: Di chuyển ra nơi có không khí trong lành và nằm nghỉ ở vị trí có thể hít thở dễ chịu.
P330	Súc miệng.
P391	Thu gom tràn đổ.

Lưu ý khi thải bỏ:

P501	Thải bỏ hóa chất bên trong/thùng chứa đến điểm thu gom chất thải nguy hại hay đặc biệt.
------	---

Những mối nguy hiểm khác mà không được phân loại:

Xem phần 12 - Kết quả đánh giá PBT và vPvB

Trường hợp thông tin ứng dụng được cung cấp trong phần này về những mối nguy cơ khác không đưa đến kết quả phân loại nguy hiểm nhưng vẫn ảnh hưởng đến những nguy cơ tổng quát của đơn chất hoặc hợp chất.

Có thể tạo ra phản ứng mẫn cảm/ dị ứng. Bao gồm: MIXTURE OF: 5-CHLORO-2-METHYL-4-ISOTHIAZOLIN-3-ONE AND 2-METHYL-2H-ISOTHIAZOL-3-ONE (3:1)

3. Thông tin về thành phần nguy hiểm

Bản chất của hoá chất

Thuốc trừ mối, chất chất lơ lửng dạng cô đặc (SC)

Phiếu An toàn Hóa chất
 Ngày / Đã được hiệu chỉnh: 10.09.2018
 Sản phẩm: **Mythic**

Phiên bản: 1.0

(30598163/SDS_GEN_VN/VI)

Ngày in 06.12.2019

Thành phần nguy hại

chlorfenapyr technical

Hàm lượng (W/W): 10 %

Số CAS: 122453-73-0

Acute Tox.: Cat. 3 (Hô hấp - bụi)

Acute Tox.: Cat. 4 (tiếp xúc miệng)

Aquatic Acute: Cat. 1

Aquatic Chronic: Cat. 1

M- nhân tố cấp tính: 100

M- nhân tố mãn tính: 100

sodium alkyl naphthalene sulphonate, formaldehyde condensate

Hàm lượng (W/W): < 10 %

Eye Dam./Irrit.: Cat. 2A

mixture of: 5-chloro-2-methyl-2H-isothiazol-3-one and 2-methyl-2H-isothiazol-3-one (3:1)

Hàm lượng (W/W): < 0.005 %

Số CAS: 55965-84-9

Acute Tox.: Cat. 3 (tiếp xúc miệng)

Acute Tox.: Cat. 2 (Hô hấp - sương)

Acute Tox.: Cat. 2 (trên da)

Skin Corr./Irrit.: Cat. 1B

Eye Dam./Irrit.: Cat. 1

Skin Sens.: Cat. 1A

Aquatic Acute: Cat. 1

Aquatic Chronic: Cat. 1

M- nhân tố cấp tính: 10

M- nhân tố mãn tính: 1

propane-1,2-diol

Hàm lượng (W/W): < 10 %

Số CAS: 57-55-6

4. Biện pháp sơ cấp cứu khi gặp tai nạn

Khuyến cáo chung:

Cởi bỏ quần áo nhiễm bẩn.

Nếu hít phải:

Giữ bệnh nhân bình tĩnh, di chuyển ra nơi có không khí trong lành, gọi bác sĩ.

Liên hệ với trung tâm kiểm soát chất độc hay bác sĩ để tư vấn xử lý.

Khi tiếp xúc với da:

Rửa kỹ bằng xà phòng và nước.

Liên hệ với trung tâm kiểm soát chất độc hay bác sĩ để tư vấn xử lý.

Khi tiếp xúc với mắt:

Rửa mắt bị ảnh hưởng trong ít nhất 15 phút dưới vòi nước với mí mắt mở to.

Phiếu An toàn Hóa chất
Ngày / Đã được hiệu chỉnh: 10.09.2018
Sản phẩm: **Mythic**

Phiên bản: 1.0

(30598163/SDS_GEN_VN/VI)

Ngày in 06.12.2019

Khi nuốt phải:

Ngay lập tức súc miệng và sau đó uống 200-300 ml nước, gọi bác sĩ.

Nếu nuốt phải, chuyển đến y tế ngay lập tức và mang theo bao bì hoặc nhãn mác Không làm nôn mửa trừ khi trung tâm kiểm soát chất độc hay bác sĩ yêu cầu làm như vậy. Liên hệ với trung tâm kiểm soát chất độc hay bác sĩ để tư vấn xử lý. Liên hệ với bệnh viện ngay lập tức Theo dõi ý tế trong vòng 7 ngày

Lưu ý cho bác sĩ:

Triệu chứng: Các triệu chứng và tác động chính yếu được mô tả trên nhãn hoá chất (xem phần 2) và/hoặc trong phần 11., Các triệu chứng và / hoặc các hiệu ứng khác vẫn chưa được biết đến
Các triệu chứng ngộ độc chỉ có thể xuất hiện sau vài giờ hoặc vài ngày
Việc xử lý: Điều trị theo các triệu chứng (khử độc, chức năng sống), không có thuốc giải độc đặc trưng.

5. Biện pháp chữa cháy

Phương tiện chữa cháy phù hợp:

Phun nước, cacbon dioxide, bột, bột khô

Những mối nguy hiểm cụ thể:

carbon monoxide, carbon dioxide, các oxit nitơ, các oxit sulfur, các hợp chất cloric hữu cơ

Những chất/nhóm chất được đề cập có thể thoát ra khi cháy.

Thiết bị bảo vệ đặc biệt:

Trang bị dụng cụ hô hấp độc lập và áo quần bảo hộ chống hóa chất.

Thông tin bổ sung:

Thu gom nước chữa cháy bị nhiễm bẩn hóa chất riêng biệt, không được đến gần các hệ thống cống rãnh hay nước thải. Loại bỏ những mảnh vụn cháy và nước chữa cháy bị nhiễm bẩn hóa chất theo các quy định chính thức. Không hít khói trong trường hợp cháy và/ hoặc nổ Giữ mát các thùng chứa bằng cách phun nước nếu tiếp xúc với lửa.

6. Biện pháp xử lý khi gặp sự cố tràn đổ, rò rỉ

Những cảnh báo cá nhân:

Không hít thở hơi/bụi nước Sử dụng quần áo bảo hộ lao động. Tránh tiếp xúc với da, mắt và áo quần.

Cảnh báo môi trường:

Không thải vào cống rãnh/nước mặt/nước ngầm. Không thải vào tầng đất nền/đất.

Phiếu An toàn Hóa chất
Ngày / Đã được hiệu chỉnh: 10.09.2018
Sản phẩm: **Mythic**

Phiên bản: 1.0

(30598163/SDS_GEN_VN/VI)

Ngày in 06.12.2019

Phương pháp lau dọn hoặc thu gom:

Cho lượng nhỏ: Thu gom bằng vật liệu hấp thụ phù hợp (như cát, mặt cưa, chất rắn đa năng, đất tảo cát)

Cho lượng lớn: Rãnh chống tràn đổ. Bơm hút sản phẩm.

Xử lý vật liệu hấp thụ theo các quy định. Thu gom chất thải trong vật chứa thích hợp, có thể được dán nhãn và bịt kín. Lau dọn sàn và vật nhiễm bẩn với nước và chất tẩy vết bẩn, tuân thủ các quy định về môi trường. Sử dụng trang thiết bị BHLĐ thích hợp.

7. Sử dụng và bảo quản

Hướng dẫn sử dụng

Không cần thiết có các biện pháp đặc biệt nếu được cất trữ và sử dụng đúng. Phải bảo đảm thông thoáng hoàn toàn ở khu vực lưu trữ và làm việc. Không ăn, uống hoặc hút thuốc khi sử dụng hoá chất. Nên rửa sạch tay và/ hay mặt trước khi nghỉ ngơi và vào cuối ca.

Phòng chống cháy nổ:

Không cần thiết cảnh báo đặc biệt. Chất/sản phẩm không cháy. Sản phẩm không phải là chất nổ.

Hướng dẫn bảo quản

Cách ly với thức ăn của người và động vật

Thông tin bổ sung về điều kiện lưu trữ: Tránh xa nguồn nhiệt Bảo vệ khỏi ánh sáng mặt trời trực tiếp.

Tính ổn định lưu trữ:

Thời gian lưu trữ: 60 Months

Bảo quản ở nhiệt độ trên: 0 °C

Sản phẩm có thể kết tinh dưới nhiệt độ giới hạn.

Bảo quản ở nhiệt độ dưới: 40 °C

Tính chất sản phẩm có thể bị thay đổi nếu chất/ sản phẩm được lưu trữ ở điều kiện môi trường dưới nhiệt độ chỉ định trong khoảng thời gian dài

8. Kiểm soát tiếp xúc và phương tiện bảo hộ cá nhân

Thành phần của các thông số kiểm soát khu vực làm việc

Các giới hạn tiếp xúc nghề nghiệp chưa được biết đến.

Thiết bị bảo hộ cá nhân

Bảo vệ hô hấp:

Thiết bị bảo vệ hô hấp thích hợp trong điều kiện nồng độ cao hơn hoặc tác động lâu dài: Bộ lọc kết hợp dành cho khí/ hơi của các hợp chất hữu cơ, vô cơ, acid vô cơ và kiềm (vd. EN 14387 Loại ABEK).

Phiếu An toàn Hóa chất
Ngày / Đã được hiệu chỉnh: 10.09.2018
Sản phẩm: **Mythic**

Phiên bản: 1.0

(30598163/SDS_GEN_VN/VI)

Ngày in 06.12.2019

Bảo vệ tay:

Găng tay chống hóa chất thích hợp (EN 374) cũng với quá trình tiếp xúc lâu dài và trực tiếp (Đề nghị: Chỉ số bảo vệ 6, tương ứng > 480 phút thời gian thấm thấu theo EN 374): Vd. cao su nitrile (0.4 mm), cao su chloroprene (0.5 mm), cao su butyl (0.7 mm) v

Bảo vệ mắt:

Kính an toàn với chắn bảo vệ các cạnh (kính gọng) (vd. EN 166)

Bảo vệ toàn thân:

Bảo vệ cơ thể được chọn dựa vào hoạt động và khả năng phơi nhiễm, ví dụ tạp dề, ủng bảo vệ, quần áo chống hoá chất (theo EN 14605 trong trường hợp hoá chất văng hoặc EN ISO 13982 trong trường hợp bụi).

Tiêu chuẩn vệ sinh và an toàn chung:

Xử lý theo quy tắc vệ sinh và an toàn công nghiệp. Đề nghị mặc trang phục làm việc bó sát. Cất trữ riêng biệt áo quần làm việc. Cách ly với thức ăn, nước uống và thức ăn động vật.

9. Đặc tính hóa lý

Dạng:	chất lỏng
Màu sắc:	trắng nhạt
Mùi:	Mùi nhẹ, đắng giống hạnh nhân
Ngưỡng mùi:	Chưa xác định vì nguy hiểm khi hít phải.
Giá trị pH:	tương đương 6 - 8 (1 %(m), tương đương 21 °C)
Điểm làm lạnh:	tương đương 0 °C (1,013.3 hPa)
Khoảng sôi:	Thông tin áp dụng đối với dung môi. tương đương 85 - 100 °C (1,013.3 hPa) Thông tin áp dụng đối với dung môi.
Điểm chớp cháy:	tương đương 102 °C Không có điểm chớp – Tiến hành đo đến nhiệt độ cho trước, bỏ ánh đèn chong., Không dễ cháy. (Chỉ thị 84/449/EEC, A.9)
Tốc độ bay hơi:	không áp dụng
Tính dễ cháy (chất rắn/Khí gas):	không dễ cháy cao
Giới hạn nổ dưới (LEL):	Với kinh nghiệm của chúng tôi đối với sản phẩm này và kiến thức của chúng tôi về thành phần cấu tạo của nó, chúng tôi không dự kiến được các nguy hại cho đến chừng nào sản phẩm vẫn còn được sử dụng đúng đắn và theo mục đích sử dụng riêng biệt.

Phiếu An toàn Hóa chất
Ngày / Đã được hiệu chỉnh: 10.09.2018
Sản phẩm: **Mythic**

Phiên bản: 1.0

(30598163/SDS_GEN_VN/VI)

Ngày in 06.12.2019

Giới hạn nổ trên (UEL):

Với kinh nghiệm của chúng tôi đối với sản phẩm này và kiến thức của chúng tôi về thành phần cấu tạo của nó, chúng tôi không dự kiến được các nguy hại cho đến chừng nào sản phẩm vẫn còn được sử dụng đúng đắn và theo mục đích sử dụng riêng biệt.

Nhiệt độ tự cháy: tương đương 520 °C (Chỉ thị 92/69/EEC, A.15)
Dựa trên hàm lượng nước sản phẩm không dễ cháy.

Phân huỷ do nhiệt: 252 °C , 240 kJ/kg (DSC (OECD 113))
310 °C , 130 kJ/kg (DSC (OECD 113))
450 °C , > 90 kJ/kg (DSC (OECD 113))

Nguy cơ nổ: Hoá chất không phải chất có khả năng tự phân huỷ theo các qui định về vận chuyển của Liên Hiệp Quốc UN nhóm 4.1
Dựa trên cấu trúc hóa học không có biểu hiện cho thấy có các thuộc tính nổ.

Những đặc tính làm tăng cháy: không cháy lan (Chỉ thị 2004/73/EC, A.21)

Áp suất hơi: tương đương 23.3 hPa (20 °C)
Thông tin áp dụng đối với dung môi.

Tỷ trọng: tương đương 1.07 g/cm³ (OECD-Hướng dẫn 109)
(20 °C)

Tỷ trọng hơi (không khí): không áp dụng

Tính tan trong nước: có thể phân tán
Hệ số phân chia n-octanol/nước (biểu đồ Pow): không áp dụng

Tính nhớt, động lực: tương đương 68 mPa.s (OECD 114)
(20 °C, 100 1/s)

Thông tin khác:

Trong trường hợp cần thiết, thông tin về các thông số vật lý và hoá học sẽ được ghi rõ trong mục này.

10. Tính ổn định và khả năng phản ứng

Những điều kiện cần tránh:

Xem MSDS phần 7 - Xử lý và cất trữ.

Phiếu An toàn Hóa chất
Ngày / Đã được hiệu chỉnh: 10.09.2018
Sản phẩm: **Mythic**

Phiên bản: 1.0

(30598163/SDS_GEN_VN/VI)

Ngày in 06.12.2019

Phân huỷ do nhiệt:	252 °C, 240 kJ/kg (DSC (OECD 113))
Phân huỷ do nhiệt:	310 °C, 130 kJ/kg (DSC (OECD 113))
Phân huỷ do nhiệt:	450 °C, > 90 kJ/kg (DSC (OECD 113))
Phân huỷ do nhiệt:	Hoá chất không phải chất có khả năng tự phân huỷ theo các qui định về vận chuyển của Liên Hiệp Quốc UN nhóm 4.1

Những chất cần tránh:
các axit mạnh, các chất bazơ mạnh, các tác nhân oxy hóa mạnh

Những phản ứng nguy hiểm:
Phản ứng không nguy hại nếu được cất trữ và sử dụng theo chỉ dẫn/ quy định.

Các sản phẩm phân hủy nguy hại:
Không có các sản phẩm phân hủy nguy hại nếu cất trữ và xử lý như được trình bày/ thể hiện.

11. Thông tin về độc tính

Độc độc cấp tính

Đánh giá độ độc cấp tính:
Hầu như không độc sau 1 lần tiếp xúc với da. Độc tính vừa phải sau 1 lần ăn vào. Độc tính vừa phải sau khi hít trong thời gian ngắn.

Dữ liệu thực nghiệm/ tính toán:
LD50 chuột (miệng): > 500 - < 2,000 mg/kg (OECD-Chỉ thị 423)

LC50 chuột (bằng cách hít phải): 2.62 mg/l 4 h (OECD hướng dẫn 403)
Thí nghiệm sol khí.

LD50 chuột (da): > 5,000 mg/kg (OECD-Chỉ thị 402)
Không có trường hợp tử vong nào được ghi nhận.

Kích ứng

Đánh giá tác động kích ứng:
Không gây kích ứng mắt. Không gây kích ứng da.

Dữ liệu thực nghiệm/ tính toán:
Ăn mòn/Kích ứng da thỏ: (OECD hướng dẫn 404)

Gây tổn thương/kích ứng mắt nghiêm trọng thỏ: (OECD hướng dẫn 405)

Dị ứng da/hô hấp

Đánh giá tính nhạy cảm:
Không có bằng chứng cho thấy khả năng gây mẫn cảm.

Dữ liệu thực nghiệm/ tính toán:

Phiếu An toàn Hóa chất
Ngày / Đã được hiệu chỉnh: 10.09.2018
Sản phẩm: **Mythic**

Phiên bản: 1.0

(30598163/SDS_GEN_VN/VI)

Ngày in 06.12.2019

Thí nghiệm LLNA chuột:

Gây đột biến tế bào

Đánh giá khả năng gây đột biến:

Sản phẩm không được thí nghiệm. Báo cáo dựa trên các thuộc tính của từng thành phần.

Thông tin trên: mixture of: 5-chloro-2-methyl-2H-isothiazol-3-one and 2-methyl-2H-isothiazol-3-one (3:1)

Đánh giá khả năng gây đột biến:

Chất được xác định gây biến đổi gen trong nhiều hệ thống thí nghiệm trên các hệ vi khuẩn tế bào khác nhau, tuy nhiên chưa được xác nhận qua thí nghiệm ở động vật có vú.

Chất gây ung thư

Đánh giá khả năng gây ung thư:

Sản phẩm không được thí nghiệm. Báo cáo dựa trên các thuộc tính của từng thành phần. Những kết quả từ các nghiên cứu khác nhau trên động vật không cho tìm thấy sự hiện diện của tác nhân gây ung thư.

Độc đối với sinh sản

Đánh giá độ độc đến sinh sản:

Sản phẩm không được thí nghiệm. Báo cáo dựa trên các thuộc tính của từng thành phần. Những kết quả nghiên cứu trên động vật không cho thấy tác dụng giảm khả năng sinh sản.

Độc tính gia tăng

Đánh giá vấn đề quái thai:

Sản phẩm không được thí nghiệm. Báo cáo dựa trên các thuộc tính của từng thành phần.

Thông tin trên: mixture of: 5-chloro-2-methyl-2H-isothiazol-3-one and 2-methyl-2H-isothiazol-3-one (3:1)

Đánh giá vấn đề quái thai:

Hoá chất không phải là nguyên nhân gây dị tật cơ thể trong các nghiên cứu trên động vật; tuy nhiên, đã phát hiện độc tính với liều lượng cao ảnh hưởng đến quá trình phát triển có thể gây độc với động vật bố mẹ

Độ độc lên cơ quan đích đặc trưng (phơi nhiễm đơn):

Đánh giá của STOT riêng:

Theo những thông tin hiện có, không phát hiện độc tính trên cơ quan đặc biệt của cơ thể sau một lần tiếp xúc với hoá chất.

Ghi chú: Sản phẩm không được thí nghiệm. Báo cáo dựa trên các thuộc tính của từng thành phần.

Độ độc liều lượng lặp lại và cơ quan đích cụ thể (phơi nhiễm nhiều lần)

Đánh giá độ độc liều lượng lặp:

Sản phẩm không được thí nghiệm. Báo cáo dựa trên các thuộc tính của từng thành phần.

Phiếu An toàn Hóa chất
Ngày / Đã được hiệu chỉnh: 10.09.2018
Sản phẩm: **Mythic**

Phiên bản: 1.0

(30598163/SDS_GEN_VN/VI)

Ngày in 06.12.2019

Thông tin trên: mixture of: 5-chloro-2-methyl-2H-isothiazol-3-one and 2-methyl-2H-isothiazol-3-one (3:1)

Đánh giá độ độc liều lượng lặp:

Trong nhiều nghiên cứu trên động vật, không tìm thấy bất cứ tác động có hại nào sau khi tiếp xúc nhiều lần với hoá chất. Sau khi tiếp xúc nhiều lần, tác động nổi bật là gây kích ứng cục bộ.

Nguy cơ khi hít vào

Không nhận thấy nguy cơ khi hít phải.

Sản phẩm không được thí nghiệm. Báo cáo dựa trên các thuộc tính của từng thành phần.

Thông tin độc tính liên quan khác

Sử dụng sai có thể làm nguy hại đến sức khỏe.

Mồ hôi và sốt kèm theo, các vấn đề về tiêu hoá và tiêu chảy là các dấu hiệu lâm sàng ban đầu của uống Các triệu chứng tiếp theo có thể bao gồm run và co giật, nhịp tim nhanh cứng cơ và yếu chân tay (đôi khi dẫn đến tê liệt), rối loạn chức năng gan, thận, tuyến tụy,

12. Thông tin về sinh thái môi trường

Độc sinh thái

Đánh giá độ độc với môi trường thủy sinh:

Rất độc đối với sinh vật thủy sinh và tác động kéo dài.

Sản phẩm không được thí nghiệm. Báo cáo dựa trên các thuộc tính của từng thành phần.

Thông tin trên: chlorfenapyr technical

Độc với loài cá:

LC50 (96 h) 0.00744 mg/l, *Oncorhynchus mykiss* (Chỉ thị 84/449/EWG, C.1, Chảy qua.)

Thông tin trên: chlorfenapyr technical

Loài không xương sống thủy sinh:

EC50 (96 h) 0.00203 mg/l, *Mysidopsis bahia* (Chỉ thị 84/449/EWG, C.2)

Thông tin trên: chlorfenapyr technical

Thực vật thủy sinh:

EC50 (72 h) 0.132 mg/l, *Pseudokirchneriella subcapitata* (Hướng dẫn OECD 201)

Nồng độ tác động không quan sát được (72 h) 0.020 mg/l, *Pseudokirchneriella subcapitata* (Hướng dẫn OECD 201)

Thông tin trên: chlorfenapyr technical

Độc mãn tính cho loài cá:

Nồng độ tác động không quan sát được (93 d) 0.003678 mg/l, *Oncorhynchus mykiss*

Phiếu An toàn Hóa chất
Ngày / Đã được hiệu chỉnh: 10.09.2018
Sản phẩm: **Mythic**

Phiên bản: 1.0

(30598163/SDS_GEN_VN/VI)

Ngày in 06.12.2019

Thông tin trên: chlorfenapyr technical
Độc mãn tính cho loài không xương sống thủy sinh:
Nồng độ tác động không quan sát được (28 d), 0.000172 mg/l, Mysidopsis bahia

Đặc tính không ổn định

Đánh giá giữa việc vận chuyển và dự luật môi trường:
Sản phẩm không được thí nghiệm. Báo cáo dựa trên các thuộc tính của từng thành phần.

Thông tin trên: chlorfenapyr technical
Đánh giá giữa việc vận chuyển và dự luật môi trường:
Sau khi tiếp xúc với đất, hoá chất sẽ bị hấp thụ vào trong các hạt đất, do đó không gây ô nhiễm nguồn nước ngầm.

Tính bền và tính biến chất

Đánh giá phân huỷ sinh học và tính khử (H₂O):
Sản phẩm không được thí nghiệm. Báo cáo dựa trên các thuộc tính của từng thành phần.

Thông tin trên: chlorfenapyr technical
Đánh giá phân huỷ sinh học và tính khử (H₂O):
Không thể nhanh chóng phân huỷ (theo tiêu chuẩn OECD).

Khả năng tích lũy sinh học

Đánh giá khả năng phân huỷ sinh học:
Sản phẩm không được thí nghiệm. Báo cáo dựa trên các thuộc tính của từng thành phần.

Thông tin trên: chlorfenapyr technical
Khả năng tích lũy sinh học:
Yếu tố nồng độ sinh học: 116, cá chép Cyprinus
Không có khả năng tích lũy trong sinh khối.

Thông tin bổ sung

Những lời khuyên về độc chất sinh thái khác:
Không thải sản phẩm vào môi trường mà không được kiểm soát.

13. Biện pháp và quy định về tiêu huỷ hoá chất

Phải được thải bỏ hoặc đốt phù hợp với quy định địa phương.

Bao bì nhiễm bẩn hoá chất:
Bao bì nhiễm bẩn nên được trút ra tối đa có thể và được xử lý theo cách thức tương tự như chất/sản phẩm.

Phiếu An toàn Hóa chất
Ngày / Đã được hiệu chỉnh: 10.09.2018
Sản phẩm: **Mythic**

Phiên bản: 1.0

(30598163/SDS_GEN_VN/VI)

Ngày in 06.12.2019

14. Quy định về vận chuyển

Vận chuyển nội địa:

Nhóm đóng gói: III
Số ID: UN 3082
Lớp nguy hiểm trong vận chuyển: 9, EHSM
Tên vận chuyển phù hợp: ENVIRONMENTALLY HAZARDOUS SUBSTANCE, LIQUID, N.O.S. (contains CHLORFENAPYR)

Vận tải đường thủy

IMDG
Nhóm đóng gói: III
Số ID: UN 3082
Lớp nguy hiểm trong vận chuyển: 9, EHSM
Ô nhiễm hàng hải: CÓ
Tên vận chuyển phù hợp: ENVIRONMENTALLY HAZARDOUS SUBSTANCE, LIQUID, N.O.S. (contains CHLORFENAPYR)

Sea transport

IMDG
Packing group: III
ID number: UN 3082
Transport hazard class(es): 9, EHSM
Marine pollutant: YES
Proper shipping name: ENVIRONMENTALLY HAZARDOUS SUBSTANCE, LIQUID, N.O.S. (contains CHLORFENAPYR)

Vận tải hàng không

IATA/ICAO
Nhóm đóng gói: III
Số ID: UN 3082
Lớp nguy hiểm trong vận chuyển: 9, EHSM
Tên vận chuyển phù hợp: ENVIRONMENTALLY HAZARDOUS SUBSTANCE, LIQUID, N.O.S. (contains CHLORFENAPYR)

Air transport

IATA/ICAO
Packing group: III
ID number: UN 3082
Transport hazard class(es): 9, EHSM
Proper shipping name: ENVIRONMENTALLY HAZARDOUS SUBSTANCE, LIQUID, N.O.S. (contains CHLORFENAPYR)

15. Thông tin về luật pháp

Thành phần quyết định mối nguy hiểm cho việc dán nhãn: CHLORFENAPYR

Những quy định khác

Phải bổ sung phụ lục trong trường hợp thông tin khác về việc áp dụng luật pháp chưa được cung cấp trong phiếu An toàn hoá chất này.

Phiếu An toàn Hóa chất
Ngày / Đã được hiệu chỉnh: 10.09.2018
Sản phẩm: **Mythic**

Phiên bản: 1.0

(30598163/SDS_GEN_VN/VI)

Ngày in 06.12.2019

16. Thông tin khác

Những hàng trắng bên lề trái cho biết một số hiệu chỉnh so với phiên bản trước đó.

Những thông tin trong phiếu an toàn hoá chất này được biên soạn dựa trên các kiến thức hợp lệ và mới nhất về hoá chất nguy hiểm và phải được sử dụng để thực hiện các biện pháp ngăn ngừa rủi ro, tai nạn. Phiếu An toàn hóa chất chỉ mô tả sản phẩm liên quan đến những yêu cầu an toàn. Dữ liệu không mô tả thuộc tính của sản phẩm (chi tiết kỹ thuật). Người sử dụng sản phẩm chịu trách nhiệm về các quyền sở hữu, các quy định pháp luật hiện hành có liên quan.